

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2025 - ĐỢT CHÍNH THỨC

(Kèm theo Quyết định số: 404 /QĐ-CDVHNT ngày 23 tháng 07 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An)

Ngành/Nghề: **Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (hệ 6 năm)**

Đợt TS: **2025 - đợt 1 (hệ 6 năm)**

Trình độ: **Trung cấp**

Hình thức: **Chính quy**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Trúng tuyển	Ghi chú
1	TC2025/CT_278	Lưu Bảo An	Nữ	31/8/2015	Nghệ An		KV2		8.00	8.00	0	0.25	24.25	X	
2	TC2025/CT_279	Phạm Khánh An	Nữ	18/11/2015	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25	X	
3	TC2025/CT_281	Hoàng Nguyễn Minh Anh	Nữ	04/12/2014	Nghệ An		KV2		7.00	8.00	0	0.25	23.25	X	
4	TC2025/CT_283	Lê Hoàng Anh	Nam	27/7/2015	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25	X	
5	TC2025/CT_287	Nguyễn Trang Anh	Nữ	15/5/2015	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75	X	
6	TC2025/CT_288	Nguyễn Trần Linh Anh	Nữ	24/6/2015	Nghệ An		KV2		8.00	8.00	0	0.25	24.25	X	
7	TC2025/CT_291	Trần Hoài Anh	Nữ	20/11/2017	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25	X	
8	TC2025/CT_292	Tôn Nữ Bảo Châu	Nữ	02/01/2016	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25	X	
9	TC2025/CT_296	Nguyễn Lâm Quế Chi	Nữ	13/11/2016	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75	X	
10	TC2025/CT_297	Nguyễn Quỳnh Chi	Nữ	08/11/2014	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75	X	
11	TC2025/CT_299	Võ Thuý Chi	Nữ	12/10/2015	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25	X	
12	TC2025/CT_301	Nguyễn Ngọc Diệp	Nữ	08/9/2014	Nghệ An		KV2		6.00	8.00	0	0.25	22.25	X	



TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thấm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Trúng tuyển	Ghi chú
13	TC2025/CT_302	Thái Linh Diệp	Nữ	27/7/2014	Nghệ An		KV2		8.50	7.00	0	0.25	22.75	X	
14	TC2025/CT_304	Trần Lê Khánh Đan	Nữ	28/02/2012	Nghệ An		KV2		6.50	9.00	0	0.25	24.75	X	
15	TC2025/CT_307	Lê Ngân Hà	Nữ	08/10/2012	Nghệ An		KV2		8.00	7.00	0	0.25	22.25	X	
16	TC2025/CT_308	Trần Nguyễn Thanh Hà	Nữ	16/7/2016	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25	X	
17	TC2025/CT_309	Lê Hoàng Gia Hoàn	Nữ	01/12/2013	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75	X	
18	TC2025/CT_311	Thái Ngọc Hoàn	Nữ	03/6/2016	Nghệ An		KV2		8.00	8.50	0	0.25	25.25	X	
19	TC2025/CT_312	Trương Thái Hoà	Nữ	16/3/2015	Nghệ An		KV2		8.50	8.50	0	0.25	25.75	X	
20	TC2025/CT_314	Nguyễn Ngọc Huyền	Nữ	04/01/2016	Nghệ An		KV2		7.50	8.00	0	0.25	23.75	X	
21	TC2025/CT_315	Nguyễn Uyên Khanh	Nữ	22/02/2016	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25	X	
22	TC2025/CT_318	Trần Đan Lê	Nữ	07/01/2015	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25	X	
23	TC2025/CT_323	Trần Hà Linh	Nữ	21/7/2012	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25	X	
24	TC2025/CT_324	Cao Hiền Long	Nam	01/12/2015	Nghệ An		KV2		7.00	8.00	0	0.25	23.25	X	
25	TC2025/CT_328	Trần Quang Minh	Nam	23/4/2012	Nghệ An		KV2		8.00	9.00	0	0.25	26.25	X	
26	TC2025/CT_329	Lê Thảo My	Nữ	04/10/2016	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75	X	
27	TC2025/CT_331	Võ Huyền My	Nữ	16/6/2016	Nghệ An		KV2		8.00	8.50	0	0.25	25.25	X	
28	TC2025/CT_333	Đặng Hoàng Ngân	Nữ	20/8/2012	Nghệ An		KV2		5.50	9.00	0	0.25	23.75	X	
29	TC2025/CT_334	Hoàng Kim Ngân	Nữ	27/4/2016	Nghệ An		KV2		7.00	8.50	0	0.25	24.25	X	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Trúng tuyển	Ghi chú
30	TC2025/CT_335	Đậu Nguyễn Khánh Ngọc	Nữ	02/8/2013	Nghệ An		KV2		6.00	8.00	0	0.25	22.25	X	
31	TC2025/CT_336	Nguyễn Khánh Ngọc	Nữ	03/11/2015	Nghệ An		KV2		7.50	8.50	0	0.25	24.75	X	
32	TC2025/CT_337	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	01/11/2016	Nghệ An		KV2		8.00	7.00	0	0.25	22.25	X	
33	TC2025/CT_338	Dương Thảo Nguyên	Nữ	14/12/2016	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75	X	
34	TC2025/CT_343	Nguyễn Tuệ Nhi	Nữ	30/6/2016	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25	X	
35	TC2025/CT_344	Trần Lê Thảo Nhi	Nữ	07/6/2013	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75	X	
36	TC2025/CT_345	Lê Nguyễn An Nhiên	Nữ	01/3/2014	Nghệ An		KV2		7.50	8.00	0	0.25	23.75	X	
37	TC2025/CT_346	Phan Thị An Nhiên	Nữ	11/4/2016	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25	X	
38	TC2025/CT_349	Nguyễn Hà Phương	Nữ	24/3/2012	Nghệ An		KV2		7.00	8.00	0	0.25	23.25	X	
39	TC2025/CT_351	Quế Minh Phương	Nữ	04/11/2016	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75	X	
40	TC2025/CT_352	Cù Thị Diễm Quỳnh	Nữ	19/02/2016	Nghệ An		KV2		7.50	8.00	0	0.25	23.75	X	
41	TC2025/CT_353	Trần Lê Linh Sơn	Nữ	28/02/2012	Nghệ An		KV2		6.00	9.00	0	0.25	24.25	X	
42	TC2025/CT_354	Nguyễn Minh Tâm	Nữ	17/4/2016	Nghệ An		KV2		7.00	8.00	0	0.25	23.25	X	
43	TC2025/CT_359	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	13/01/2015	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25	X	
44	TC2025/CT_361	Võ Minh Thư	Nữ	06/4/2016	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25	X	
45	TC2025/CT_357	Làng Nguyễn Ngọc Thuận	Nữ	17/3/2016	Nghệ An		KV2		8.00	7.00	0	0.25	22.25	X	
46	TC2025/CT_363	Nguyễn Lành Bảo Trang	Nữ	11/3/2013	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75	X	



TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Trúng tuyển	Ghi chú
47	TC2025/CT_371	Nguyễn Thị Phương Trinh	Nữ	16/01/2014	Nghệ An		KV2		5.50	8.00	0	0.25	21.75	X	
48	TC2025/CT_373	Âu Ngọc Khánh Vy	Nữ	02/01/2016	Nghệ An		KV2		8.00	8.00	0	0.25	24.25	X	
49	TC2025/CT_374	Cao Nguyễn Khánh Vy	Nữ	07/4/2016	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75	X	
50	TC2025/CT_376	Nguyễn Tường Vy	Nữ	13/8/2016	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25	X	
51	TC2025/CT_378	Vũ Hoàng Yến	Nữ	27/11/2016	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75	X	

Ghi chú: Điểm đã nhân hệ số môn Chuyên ngành, Hình họa.

NGƯỜI LẬP BIỂU



ThS Lê Bá Dương

TRƯỞNG BAN THỦ KÝ



ThS Lê Văn Hải

**TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH**




TS Nguyễn Thị Thanh Đức